

Bản án số: 01/2018/DS-ST

Ngày 04 tháng 01 năm 2018

“Về việc Tranh chấp hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phương Minh Thành

2/ Ông Võ Quốc Vinh

- Thư ký - phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên Tòa: Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 Tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 319/2017/TLST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 87/23 đường E, khóm X, phường Y, thành phố H, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: số 319 đường F, khóm K, phường Z, thành phố H, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị B (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 325 khóm N, phường Z, thành phố H, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1965 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 87/23 đường E, khóm X, phường Y, thành phố H, tỉnh Trà Vinh (Tạm trú: số 319 đường F, khóm K, phường Z, thành phố H, tỉnh Trà Vinh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Ngọc A trình bày: Vào ngày 15/5/2017 ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B có đến nhà ông vay số tiền là 470.000.000 đồng (có biên nhận do bà B đứng tên). Đến tháng 6 năm 2017 bà B cùng chồng là ông Nguyễn Văn C có trả 120.000.000 đồng và được ký nhận vào tờ giấy biên nhận nợ ngày 15/5/2017; số tiền vợ chồng ông C còn thiếu lại ông A là 350.000.000 đồng, đến ngày 14/7/2017 vợ chồng ông C bà B đến nhà ông vay thêm 100.000.000 đồng có giấy nhận nợ, tổng cộng tất cả số tiền còn thiếu ông là 450.000.000 đồng. Đến ngày 14/8/2017 vợ chồng ông C, bà B trả cho ông 180.000.000 đồng. Hiện tại vợ chồng ông C bà B còn thiếu ông 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Nay, ông A yêu cầu vợ chồng ông C và bà B phải trả ông 270.000.000đ và yêu cầu tính lãi 1%/tháng kể từ ngày 14/8/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Ông A khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả cho ông A 270.000.000 đồng; bà B xác nhận trong quá trình làm ăn với nhau bà B còn thiếu nợ ông A số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Nay bà đồng ý trả số tiền nêu trên cho ông A, nhưng trả từng lần theo khả năng của bà. Còn việc ông A yêu cầu bà trả lãi thì bà B không đồng ý. Vì, khi vay bà B, ông C đóng lãi cho bà Huỳnh Thị D (vợ ông A) là 4.500.000đ/ngày, đến ngày 14/8/2017 bà không đóng lãi cho ông A đến nay.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C cũng có lời trình bày như bà Nguyễn Thị B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D trình bày: Bà là vợ ông Trần Ngọc A nhưng việc ông A cho bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn C mượn tiền hay vay tiền thì bà D không biết; từ trước đến nay bà D không nhận tiền lãi từ bà B, ông C 4.500.000đ/ngày cũng không có nhận bất cứ khoảng tiền nào từ vợ chồng ông B, bà C. Vì, bà D có việc làm, có thu nhập riêng nên bà không liên quan và bà D không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định tại các điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS đủ điều kiện đưa vụ án ra giải quyết.

Gửi các văn bản tố tụng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu tham gia xét xử; tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 97, 175, 208, 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về xét xử sơ thẩm vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án, thì nguyên đơn, đồng bị đơn chấp hành đúng các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc A. Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc A số tiền 270.000.000đ và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày 14/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc ông C, bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự tranh chấp trong vụ án này là số tiền vay 270.000.000đ và tiền lãi 1% từ ngày 14/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2] Quan hệ vay tiền giữa ông A và vợ chồng ông C bà B là quan hệ vay tiền có làm biên nhận, có ghi số tiền vay và thời hạn trả. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn C một lần nữa xác nhận, trong quá trình làm ăn giữa vợ chồng bà và ông Trần Ngọc A, thì vợ chồng bà còn thiếu ông Trần Ngọc A số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Sự thừa nhận này của ông C, bà B là phù hợp với quy định của pháp luật về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc A được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà B, ông C thừa nhận còn thiếu ông A 270.000.000đ nhưng vợ chồng bà không đồng ý trả một lần, bà yêu cầu được trả dần. Phía ông A yêu cầu trả cho ông số tiền nêu trên một lần. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 “*Nghĩa vụ trả nợ của bên vay*” Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định “*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Như vậy, cần buộc ông C, bà B phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc A số tiền 270.000.000đ.

[3] *Về lãi suất:* Trong quá trình giải quyết vụ án bà B, ông C nạy ra rằng, từ khai vay tiền của ông Trần Ngọc A ngày 15/5/2017 cho đến ngày 14/8/2017 mỗi ngày vợ chồng bà B, ông C đóng lãi cho bà Huỳnh Thị D (vợ ông A) là 4.500.000đ/ngày, nhưng bà B, ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời nạy ra của mình. Bà Huỳnh Thị D và ông Trần Ngọc A không thừa nhận sự việc này. Do đó, lời nạy ra của bà B, ông C là không có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông A yêu cầu bà B, ông C phải trả lãi cho ông 1%/tháng đối với số tiền 270.000.000đ. Theo

biên nhận ông A cung cấp cho Tòa án thì không thể hiện việc thỏa thuận về lãi suất. Tại phiên tòa hôm nay cả ông A, bà B, ông C cũng trình bày trong quá trình vay có thỏa thuận lãi suất nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu, vì lãi suất cho vay giữa hai bên có giao động theo từng thời điểm cho vay. Xét thấy, về lãi suất ông A và vợ chồng ông C, bà B cho rằng có thỏa thuận nhưng hai bên không xác định được mức lãi suất là bao nhiêu. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định bằng 10%/năm. Lãi suất được tính như sau:

- Lãi suất từ ngày 14/8/2017 đến ngày 04/01/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 143 ngày x 270.000.000đ x 10%/năm : 365 ngày = 10.578đ.082đ

Như vậy, Tổng số tiền vốn gốc và tiền lãi ông C, bà B phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc A là 280.578.082đ.

Bà Huỳnh Thị D không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: ông C, bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc A.

Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc A số tiền 280.578.082đ (Trong đó: vốn gốc 270.000.000đ, lãi suất 10.578đ.082đ).

Bà Huỳnh Thị D không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ nộp 14.028.904đ (Mười bốn triệu không trăm hai mươi tám ngàn chín trăm lẻ bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012521 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Gấm